

Câu 1: Em hãy phân tích mâu thuẫn công thức chung của tư bản? Chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản?

- **Công thức chung của tư bản:**

$T-H-T'$ ($T' = T + \Delta T$).

ΔT xuất hiện từ trong lưu thông và ngoài lưu thông.

Trước hết, ở trong lưu thông, dù trao đổi ngang giá hay không ngang giá cũng không tạo ra ΔT .

Với trao đổi ngang giá, có sự chuyển hoá hình thái giá trị từ H - T và ngược lại T - H nhưng tiền không lớn lên, giá trị không tăng thêm, tổng giá trị và phần giá trị của mỗi bên tham gia trao đổi trước và sau đều không thay đổi.

Với trao đổi không ngang giá, có thể xảy ra ba trường hợp.

Thứ nhất, trong trường hợp nhà tư bản bán hàng hóa cao hơn giá trị, nhưng đến lượt anh ta lại là người đi mua (vì không có ai chỉ bán mà không mua) thì phải mua hàng hóa cao hơn giá trị ấy. Hành vi bán hàng hóa cao hơn giá trị không mang lại bất cứ chút thặng dư (ΔT) nào.

Thứ hai, trường hợp nhà tư bản cố mua hàng hóa thấp hơn giá trị cũng không mang lại chút thặng dư (ΔT) nào, vì đến khi anh ta bán cũng buộc phải bán hàng hóa thấp hơn giá trị.

Thứ ba, trường hợp có một số kẻ lừa gạt chuyên mua rẻ, bán đắt thì cái ΔT hắn có là do chiếm đoạt của người khác mà có. Cái hắn được là cái người khác mất đi, nhưng trong toàn xã hội thì tổng giá trị của hàng hóa là không thay đổi.

Như vậy, ở trong lưu thông, dù trao đổi ngang giá hay không ngang giá thì cũng không tạo ra giá trị mới, do đó đều không tạo ra giá trị thặng dư cho các nhà tư bản.

Đối với ở ngoài lưu thông, nếu người trao đổi vẫn đứng 1 mình với hàng hóa của anh ta, thì giá trị của hàng hóa ấy không hề tăng lên. Nếu người sản xuất muốn sáng tạo thêm thặng dư thì phải bằng lao động của chính mình. Chẳng hạn da thuộc phải trở thành giày da, ở đó giày da có giá trị lớn hơn da thuộc vì nó đã thu hút nhiều lao động vào trong giày da. Còn giá trị của da thuộc vẫn không đổi.

Có thể kết luận, mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản là: "Tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông, đồng thời không phải trong lưu thông".

- **Chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản** là hàng hóa sức lao động

+ Sức lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong một cơ thể con người đang sống và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất.

+ Hàng hóa sức lao động là sự tổng hợp về thể lực và trí lực của con người có thể sử dụng trong quá trình lao động để tạo ra của cải vật chất.

Không phải sức lao động nào cũng trở thành hàng hóa. Trong xã hội nô lệ thì sức lao động của nô lệ không phải là hàng hóa vì bản thân anh ta đã thuộc sở hữu của chủ nô, anh ta không có quyền bán sức lao động. Người thợ thủ công tự do tuy được tùy ý sử dụng sức lao động của mình nhưng sức lao động của anh ta cũng không phải là hàng hóa vì anh ta chỉ sản xuất tự cung tự cấp nuôi sống

mình, chứ chưa buộc phải bán sức lao động để kiếm sống

Sức lao động chỉ trở thành hàng hóa khi đồng thời thỏa mãn hai điều kiện sau:

- + Người lao động phải được tự do về thân thể, làm chủ được sức lao động của mình và có quyền bán sức lao động của mình như một hàng hóa.
- + Người lao động không có tư liệu sản xuất cần thiết để tự mình đứng ra tổ chức sản xuất nên chỉ còn cách bán sức lao động cho người khác sử dụng.

Câu 2: Em hãy phân tích mối quan hệ giữa giá trị và giá trị thặng dư? Biện pháp để tăng giá trị thặng dư trong doanh nghiệp?

• Mối quan hệ giữa giá trị và giá trị thặng dư

Giá trị và giá trị thặng dư là hai khái niệm quan trọng trong kinh tế chính trị học Mác. Giá trị là tổng số lao động xã hội cần thiết để sản xuất một hàng hóa, trong khi giá trị thặng dư là phần giá trị vượt quá giá trị này, được tạo ra bởi người lao động nhưng được nhà tư bản chiếm đoạt. Mối quan hệ giữa chúng thể hiện sự khai thác trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, nơi người lao động tạo ra giá trị nhưng không nhận được toàn bộ giá trị đó.

1. Giá trị

Lao động xã hội: Giá trị của một hàng hóa được xác định bởi lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất nó. Lao động xã hội là tổng số thời gian lao động cần thiết để sản xuất một hàng hóa trong điều kiện sản xuất bình thường của xã hội.

Thành phần: Giá trị của hàng hóa bao gồm chi phí cho các tư liệu sản xuất (tư bản bất biến) và giá trị của sức lao động (tư bản khả biến).

2. Giá trị thặng dư

Tạo ra bởi người lao động: giá trị thặng dư được tạo ra trong quá trình sản xuất khi người lao động tạo ra nhiều hơn giá trị của sức lao động họ bán cho nhà tư bản.

Chiếm đoạt bởi nhà tư bản: Nhà tư bản trả cho người lao động một khoản tiền lương tương ứng với giá trị của sức lao động, nhưng lại thu được giá trị cao hơn khi bán sản phẩm. Phần chênh lệch giữa giá trị sản phẩm và giá trị sức lao động chính là giá trị thặng dư mà nhà tư bản chiếm đoạt.

Tỷ suất giá trị thặng dư: Tỷ lệ giữa giá trị thặng dư và tổng tư bản khả biến (tư bản dùng để trả lương cho người lao động) biểu thị tỷ suất giá trị thặng dư. Tỷ suất này càng cao, nhà tư bản càng có nhiều lợi nhuận.

3. Mối quan hệ

Người lao động tạo ra toàn bộ giá trị hàng hóa ($C + V + M$), nhưng họ chỉ được trả phần V . Phần M là do lao động thặng dư tạo ra và bị chiếm đoạt. Giá trị là cơ sở để hình thành giá trị thặng dư, và chính phần giá trị thặng dư mới phản ánh rõ bản chất bóc lột lao động làm thuê trong chủ nghĩa tư bản.

• Biện pháp để tăng giá trị thặng dư trong doanh nghiệp

Mục đích của các nhà tư bản là sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa. Vì vậy, các nhà tư bản dùng nhiều phương pháp để tăng tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư.

Khái quát có hai phương pháp để đạt được mục đích đó là sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và sản xuất giá trị thặng dư tương đối.

a) Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối

Trong giai đoạn phát triển đầu tiên của sản xuất tư bản chủ nghĩa, khi kỹ thuật còn thấp, tiến bộ chậm chạp thì phương pháp chủ yếu để tăng giá trị thặng dư là kéo dài ngày lao động của công nhân.

Giá trị thặng dư tuyệt đối là giá trị thặng dư thu được trên cơ sở kéo dài tuyệt đối ngày lao động của công nhân trong điều kiện thời gian lao động tất yếu không đổi.

Giả sử ngày lao động là 8 giờ, trong đó 4 giờ là thời gian lao động tất yếu và 4 giờ là thời gian lao động thặng dư. Tỷ suất giá trị thặng dư là:

$$m' = 4h / 4h \times 100\% = 100\%$$

Giả sử nhà tư bản kéo dài ngày lao động thêm 2 giờ, trong khi thời gian tất yếu không thay đổi, vẫn là 4 giờ. Khi đó, tỷ suất giá trị thặng dư là:

$$m' = 6h / 4h \times 100\% = 150\%$$

Như vậy, khi kéo dài tuyệt đối ngày lao động trong điều kiện thời gian lao động tất yếu không thay đổi, thì thời gian lao động thặng dư tăng lên, nên tỷ suất giá trị thặng dư tăng lên. Trước đây, tỷ suất giá trị thặng dư là 100% thì bây giờ là 150%.

Về mặt kinh tế, ngày lao động phải dài hơn thời gian lao động tất yếu, nhưng không thể vượt quá giới hạn về thể chất và tinh thần của người lao động. Vì công nhân phải có thời gian ăn, ngủ, nghỉ ngơi, giải trí để phục hồi sức khỏe. Việc kéo dài ngày lao động còn vấp phải sự phản kháng của giai cấp công nhân. Còn giới hạn dưới của ngày lao động không thể bằng thời gian lao động tất yếu, tức là thời gian lao động thặng dư bằng không.

Trong phạm vi giới hạn nói trên, độ dài của ngày lao động là một đại lượng không cố định và có nhiều mức khác nhau. Độ dài cụ thể của ngày lao động do cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản trên cơ sở tương quan lực lượng quyết định. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đòi ngày lao động tiêu chuẩn, ngày làm 8 giờ đã kéo dài hàng thế kỷ.

b) Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối

Khi sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển đến giai đoạn đại công nghiệp cơ khí, kỹ thuật đã tiến bộ làm cho năng suất lao động tăng lên nhanh chóng, thì các nhà tư bản chuyển sang phương thức bóc lột dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội, tức là bóc lột giá trị thặng dư tương đối.

Giá trị thặng dư tương đối là giá trị thặng dư thu được bằng cách rút ngắn thời gian lao động tất yếu lại để kéo dài một cách tương ứng thời gian lao động thặng dư trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội trong điều kiện độ dài ngày lao động không đổi.

Giả sử ngày lao động là 8 giờ và nó được chia thành 4 giờ là thời gian lao động tất yếu và 4 giờ là thời gian lao động thặng dư. Tỷ suất giá trị thặng dư là:

$$m' = 4h / 4h \times 100\% = 100\%$$

Giả định rằng ngày lao động không thay đổi, nhưng bây giờ công nhân chỉ cần 3 giờ lao động đã tạo ra được một lượng giá trị mới bằng với giá trị sức lao động của mình. Do đó, tỷ lệ phân chia ngày lao động sẽ thay đổi: 3 giờ là thời gian lao động tất yếu và 5 giờ là thời gian lao động thặng dư. Bây giờ, tỷ suất giá trị thặng dư sẽ là:

$$m' = 5h / 3h \times 100\% = 166\%$$

Như vậy, tỷ suất giá trị thặng dư đã tăng từ 100% lên 166%.

Thời gian lao động tất yếu có quan hệ với giá trị sức lao động. Muốn rút ngắn thời gian lao động tất yếu phải giảm giá trị sức lao động. Để hạ thấp được giá trị sức lao động thì phải giảm được giá trị các tư liệu sinh hoạt và dịch vụ cần thiết để tái sản xuất sức lao động, do đó phải tăng năng suất lao động trong các ngành sản xuất ra tư liệu sinh hoạt.

Lịch sử phát triển của lực lượng sản xuất và của năng suất lao động xã hội dưới chủ nghĩa tư bản đã trải qua ba giai đoạn: hợp tác giản đơn, công trường thủ công và đại công nghiệp cơ khí, đó cũng là quá trình nâng cao trình độ bóc lột giá trị thặng dư tương đối.

Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư nói trên được các nhà tư bản sử dụng kết hợp với nhau để nâng cao trình độ bóc lột công nhân làm thuê trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản. Dưới chủ nghĩa tư bản, việc áp dụng máy móc không phải là để giảm nhẹ cường độ lao động của công nhân, mà trái lại tạo điều kiện để tăng cường độ lao động. Ngày nay, việc tự động hóa sản xuất làm cho

Ví dụ:

- **Tăng giá trị thặng dư tuyệt đối**

Công ty may mặc mở rộng giờ làm thêm

Doanh nghiệp: Một xưởng may gia công quần áo cho thương hiệu quốc tế.

Biện pháp: Ký hợp đồng với công nhân làm thêm 2 giờ mỗi ngày (tăng từ 8h → 10h).

Hiệu quả: Sản lượng hàng hóa tăng lên, nhưng tiền công chỉ tăng rất ít so với phần giá trị tăng thêm.

➔ **Giá trị thặng dư tuyệt đối tăng do kéo dài ngày lao động.**

- **Tăng giá trị thặng dư tương đối**

Tự động hóa nhà máy sản xuất

Doanh nghiệp: Một công ty sản xuất nước giải khát.

Biện pháp: Đầu tư hệ thống đóng chai tự động thay cho nhân công thủ công.

Hiệu quả: Cùng một lượng lao động, sản lượng tăng gấp đôi → rút ngắn thời gian lao động tất yếu → thời gian lao động thặng dư tăng lên.

Giá trị thặng dư tương đối tăng nhờ tăng năng suất lao động.